

*Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2010*

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí  
tham quan Bảo tàng phụ nữ Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam tại Công văn số 978/CV - ĐCT ngày 02/11/2010, Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam như sau:

**Điều 1. Đối tượng nộp phí tham quan**

1. Người tham quan Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam phải nộp phí tham quan theo quy định tại Điều 2 Thông tư này.

2. Không thu phí tham quan Bảo tàng phụ nữ Việt Nam đối với khách tham quan là đại biểu, khách mời của cơ quan Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ; Trẻ em, học sinh các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

**Điều 2. Mức thu phí tham quan**

1. Mức thu phí tham quan được quy định như sau:

a) Đối với người lớn: 30.000 đồng/người/lượt;

b) Đối với học sinh, sinh viên các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học; hội viên Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: 10.000 đồng/người/lượt.

2. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”, được giảm 50% mức thu quy định tương ứng tại khoản 1 Điều này. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú.

### **Điều 3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan**

Phí tham quan Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam tại Thông tư này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

1. Cơ quan thu phí được trích 90 % số tiền phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để trang trải cho việc thu phí.

2. Phần phí còn lại (10%), cơ quan thu phí nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002; Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Thông tư số 157/2009/TT-BTC ngày 06/8/2009 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn./. 

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán nhà nước;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (CST 5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**